TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HS-ST
Ngày: 04 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh
Thẩm phán: Bà Đinh Thị Như Phượng
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thừa, ông Đặng Văn Phú và ông Huỳnh Kính
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026 đối với:

- Bị cáo: Huỳnh Chí L, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh Cà Mau. Nơi thường trú: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (Nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau); căn cước công dân: 096097006148 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh D và bà Lê Thị K; có vợ là Châu Bảo N, bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/5/2025 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) tuyên phạt 14 (M bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng, làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Bị cáo đang chấp hành án. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh G. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Thiên P – Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Các bị hại:

1. Chị Đào Thị Thúy N1, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ F, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N1: Bà Hứa Thị Trung N2 và bà Hoàng Thị Như N3 – Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh G. Địa chỉ: A L, phường D, tỉnh Gia Lai. Đều có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Mộng V, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Mậu V1, sinh năm 1985; đang chấp hành án tại trại giam X. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Hồ Thái Ý, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố C, xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Chị Châu Bảo N, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Thành D1, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ dân phố C, xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4/2023 đến tháng 5/2023, mặc dù không có việc làm ổn định, không có khả năng xin các Dự án tại địa bàn tỉnh Gia Lai nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, Huỳnh Chí L đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng liên hệ xin được Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo tại huyện P, tỉnh Gia Lai và xin được Dự án trồng rừng tại huyện K, tỉnh Gia Lai, làm cho bà Đào Thị Thúy N1 (sinh năm: 1979; trú tại: Tổ F, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai), bà Nguyễn Thị Mộng V (sinh năm: 1985, trú tại: Tổ B, phường H, thị xã A, Gia Lai) và ông Nguyễn Mậu V1 (sinh năm: 1985; trú tại: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên) tin tưởng, đưa cho Huỳnh Chí L tổng số tiền 740.000.000 đồng để xin đầu tư làm 02 Dự án trên và bị L chiếm đoạt, cụ thể:

**** Hành vi chiếm đoạt 490.000.000 đồng thông qua thủ đoạn xin Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi heo***

Khoảng đầu năm 2023, Huỳnh Chí L đến thành phố T, tỉnh Phú Yên chơi và quen biết với Nguyễn Mậu V1, thông qua V1 giới thiệu, L tiếp tục quen biết với bà Đào Thị Thúy N1. Được bà N1 giới thiệu, L tiếp tục quen biết với bà Trần Thị T. Trong quá trình quen biết, L nghe thông tin bà T có 20 hecta đất tại xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai muốn bán với giá 150.000.000 đồng/ha và thời điểm này tại địa bàn tỉnh Gia Lai có nhiều người mua và thuê đất để xây dựng trang trại chăn nuôi heo. Do đó, L nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Mậu V1, bà

Đào Thị Thúy N1 và bà Trần Thị T nên L đã dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối rằng bản thân L có nhiều mối quan hệ tại tỉnh Gia Lai và có thể xin giấy phép xây dựng trang trại chăn nuôi heo trên phần đất 20 ha của bà T tại xã I, huyện P.

L rủ ông V1, bà N1, bà T, bà Nguyễn Thị Mộng V và ông Hồ Thái Ý (sinh năm: 1994; trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai) cùng thành lập Công ty TNHH N5, với vốn điều lệ 70.000.000.000 đồng. Bà N1 đứng tên giám đốc, các thành viên còn lại là thành viên góp vốn. Riêng L không có tên vì lúc này L đưa ra thông tin đang làm trong cơ quan nhà nước, không tiện đứng tên đăng ký.

Sau khi Công ty được thành lập, L nói mỗi thành viên góp vốn 200.000.000 đồng để xin Dự án. L mượn ông V1 200.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của bà N1. Ông Văn góp 200.000.000 đồng và bà T góp 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà N1. Bà Nguyễn Thị Mộng V góp 100.000.000 đồng. Bà Trần Thị T không góp tiền mà nói góp phần đất 20ha tại xã I. Hồ Thái Ý không góp tiền. Riêng bà N1 nói có tiền sẽ góp 200.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng do bà Đào Thị Thúy N1 quản lý.

Đến ngày 26/4/2023, L nói bà N1 rút tiền để đi "xin Dự án". Sau khi bà N1 rút tiền trong tài khoản, L cùng ông V1, bà N1 và bà T đi tới Ủy ban nhân dân huyện P. Theo lời L, bà N1 và bà T bỏ tiền vào 7 phong bì (gồm 2 phong bì 40.000.000 đồng và 5 phong bì 30.000.000 đồng, tổng 230.000.000 đồng) để L đi xin dự án. Khi đến UBND huyện P, L vào trong UBND huyện sau đó quay ra nói đưa được 01 phong bì có số tiền 40.000.000 đồng cho một người. Đến khoảng đầu tháng 5/2023, L tiếp tục lấy số tiền 190.000.000 đồng trong 06 phong bì còn lại do bà T giữ để tiếp tục "đi xin Dự án". L lặp lại thủ đoạn cũ, đi vào trụ sở UBND huyện P một mình, sau đó nói "đã xong việc", nhưng thực tế chiếm đoạt số tiền này và tiêu xài cá nhân.

Sau khi Công ty TNHH N5 có con dấu, L tiếp tục đề nghị bà N1 bỏ 260.000.000 đồng vào phong bì và đưa cho L để L và ông V1 đi gặp Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G xin dự án. Lợi dụng lòng tin, L tiếp tục chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Tổng cộng, với thủ đoạn gian dối trên, L đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Mậu Văn 3 và bà Nguyễn Thị Mộng V 100.000.000đ. Tổng số tiền 490.000.000 đồng.

**** Hành vi chiếm đoạt 250.000.000 đồng thông qua thủ đoạn xin Dự án trồng rừng và hành vi làm giả tài liệu của Cơ quan Nhà nước.***

Khoảng cuối tháng 5/2023, L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối rằng có thể xin Dự án trồng rừng tại khu vực Lâm trường N - thuộc diện Nhà nước cấp với diện tích 600 ha. L yêu cầu ông V1 và bà N1 góp tiền với tổng chi phí 450.000.000 đồng, chia đều 150.000.000 đồng/người. L chủ động góp trước 150.000.000 đồng (thực chất là dùng tiền chiếm đoạt trước đó), do không đủ tiền nên bà N1 góp 130.000.000đ, ông V1 góp 120.000.000đ. Ban đầu, số tiền do bà N1 giữ nhưng do bà N1 không biết thủ tục xin Dự án nên đã giao lại toàn bộ số tiền cho L giữ. L đã

chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của ông V1 và bà N1 để sử dụng tiêu xài cá nhân.

- Về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Một thời gian sau, L bị bà N1 và ông V1 liên tục hỏi L về việc xin Dự án trồng rừng như thế nào. Để đối phó nên L đã nảy sinh ý định làm giả các Quyết định của UBND tỉnh G, Quyết định của Sở T3, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh G về việc giao đất trồng rừng; về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH N5. Để thực hiện việc làm giả các Quyết định nêu trên, L sử dụng laptop MacBook Air M1 để soạn nội dung, sử dụng điện thoại IPhone 13 Pro Max truy cập vào Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh G tại địa chỉ http://gialai.gov.vn để tải các văn bản thật có hình dấu đỏ và chữ ký của lãnh đạo UBND tỉnh G, Sở T3 và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh G sau đó chỉnh sửa bằng cách cắt dán hình dấu và chữ ký vào văn bản do L soạn thảo, tạo thành 03 file PDF với nội dung giả gồm:

Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh G về việc giao đất trồng rừng cho Công ty TNHH N5 (có hình dấu đỏ và chữ ký của ông Trương Hải L1 - Chủ tịch UBND tỉnh G);

Quyết định số 1412/QĐ-STNMT ngày 27/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G (có hình dấu đỏ và chữ ký của ông Lương Thanh B - Phó Giám đốc Sở) về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH N5.

- Quyết định số 2314/QĐ-SNNPTNT ngày 03/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh G (có hình dấu đỏ và chữ ký của ông Lưu Trung N4 - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh G) về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH N5.

L gửi trước 02 file PDF gồm: Quyết định số 1372/QĐ-UBND và Quyết định số 1412/QĐ-STNMT cho ông V1 và bà N1 (qua tài khoản Zalo) để ông V1 và bà N1 tin tưởng. Vì không biết các file Quyết định L gửi là giả nên bà N1 đã gửi 02 file PDF Quyết định số 1372/QĐ-UBND và Quyết định số 1412/QĐ-STNMT cho một số người quen thông qua mạng xã hội nhằm mục đích giới thiệu, rao bán Dự án trồng rừng để kiếm lời làm cho các quyết định giả này bị phát tán lên mạng. Khi biết các Quyết định giả do mình làm đã bị phát tán, L đã nhờ một người tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) hướng dẫn viết một "tâm thư xin lỗi". Sau đó, L đến gặp bà N1 để xóa toàn bộ nội dung trò chuyện và hủy kết bạn Zalo giữa L và bà N1, đồng thời hướng dẫn bà N1 viết tâm thư xin lỗi gửi Chủ tịch UBND tỉnh G về việc để rò rỉ tài liệu lên mạng Internet.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023, Huỳnh Chí L và Nguyễn Mậu V1 còn thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn B1 ở địa bàn tỉnh Phú Yên. Đến ngày 21/3/2024, Huỳnh Chí L và Nguyễn Mậu V1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P khởi tố, tạm giam.

Ngày 24/5/2024 và ngày 29/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Chí L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại các Điều 174, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

* Kết luận giám định ngày 25/10/2024 đối với điện thoại Iphone 14 Promax màu tím than, số máy: MQ9T3VN/A, seri: KGW1QHKWP, số EMEI: 353751250456259, bên trong không gắn thẻ sim, kết quả tìm thấy: 05 tập tin hình ảnh có đuôi "PNG" thể hiện nội dung liên quan theo yêu cầu giám định; 02 tập tin PDF lưu với tên "Văn phòng SỞ NNPTNN.pdf, văn phòng Sở TNMT.pdf. Các tập tin đuôi "PNG" được khởi tạo vào ngày 01/8/2023 và 05/10/2023; các tập tin PDF được khởi tạo vào ngày 01/8/2023 và 05/10/2023.

* Kết quả trả lời của các cơ quan, tổ chức: Ủy ban nhân dân tỉnh G, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh G, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh G đều trả lời không ban hành các Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 29/6/2023, Quyết định số 1412/QĐ-STNMT ngày 27/7/2023, Quyết định số 2314/QĐ-SNNPTNT ngày 03/10/2023.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu tím than số máy: MQ9T3VN/A, số Seri: KGW1QHVKW ;

* Về dân sự: Huỳnh Chí L đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 740.000.000 đồng, hiện L chưa khắc phục cho các bị hại.

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKSGL-P1 ngày 30/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Huỳnh Chí L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

- Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có ý kiến trình bày phù hợp với nội dung có liên quan đến vụ án. Các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Gia Lai phát biểu quân điểm: Giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Huỳnh Chí L phạm các tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*";

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí L mức án từ 12 năm đến 13 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí L từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Huỳnh Chí L chấp hành hình phạt chung là từ 14 năm đến 16 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 17 năm 06 tháng tù tại Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) với hình phạt của bản án này. Buộc bị cáo Huỳnh Chí L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù.

+ Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Đào Thị Thúy N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max thu giữ trong quá trình điều tra không liên quan đến vụ án.

+ Về dân sự: Buộc bị cáo trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

+ Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Đồng ý với nội dung bản Cáo trạng áp dụng truy tố đối với bị cáo; sau phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông nội được Chủ tịch nước tặng Huận chương kháng chiến Hạng Ba; được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra trong quá trình điều tra để truy tố xét xử bị cáo tại Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị cáo cũng đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội trong vụ án này và đề nghị cơ quan điều tra nhập các hành vi của bị cáo để xét xử trong cùng vụ án, nhưng không được chấp nhận gây bất lợi cho bị cáo và trong vụ án trước bị cáo có giao nộp 08 cây vàng, đến nay đã được định giá với tổng số tiền là hơn 1.000.000.000đ nên số tiền dư sau khi thi hành xong của bản án trên thì bị cáo tự nguyện đưa vào khắc phục cho vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo.

* Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày và không có tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện theo đúng qui định của pháp luật tố tụng hình sự, nên hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên từ tháng 4 đến tháng 5/2023, Huỳnh Chí L đã đưa ra thông tin gian dối về việc có mối quan hệ có thể xin đươc dự án xây dựng trang trại nuôi heo trên phần diện tích đất 20 ha

của bà Trần Thị T tại xã I, huyện P và xin dự án trồng rừng tại huyện K. Do tin tưởng nên bà Đào Thị Thúy N1, ông Nguyễn Mậu V1, bà Nguyễn Thị Mộng V đã đưa tiền cho L tổng số tiền 740.000.000 đồng (trong đó của ông Nguyễn Mậu V1 số tiền 520.000.000đ nhưng bà N1 đưa lại 10.000.000đ; bà Nguyễn Thị Mộng V số tiền 100.000.000đ; của bà Đào Thị Thúy N1 số tiền 130.000.000đ) để xin các dự án và bị L chiếm đoạt.

Để che giấu hành vi của mình, L đã làm giả 03 Quyết định của cơ quan có thẩm quyền gồm: Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh G về việc giao đất trồng rừng cho Công ty TNHH N5; Quyết định số 1412/QĐ-STNMT ngày 27/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G về việc cấp Giấy CNQSD đất cho Công ty TNHH N5; và Quyết định số 2314/QĐ-SNNPTNT ngày 03/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh G về việc cấp Giấy CNQSD đất cho Công ty TNHH N5. sau đó gửi các Quyết định này cho bà N1, ông V1 và bà V tin tưởng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo:

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an.

Ngoài ra để che giấu hành vi lừa đảo bị cáo còn có hành vi làm giả 03 tài liệu của cơ quan, tổ chức, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng: Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự ;

- Về tình tiết giảm nhẹ: sau phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông nội được Chủ tịch nước tặng Huận chương kháng chiến Hạng Ba và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về hình phạt: Xét trong cùng vụ án bị cáo phạm 02 tội, trong đó có 01 tội thuộc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, nên cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc để giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà Đào Thị T2 : 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax; số máy: MQ9T3VN/A, số S:

KGW1QHVKWP; màu: tím than (Đã qua sử dụng; không kiểm tra tình trạng hoạt động) thu giữ trong quá trình điều tra không liên quan đến vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 740.000.000 đồng (trong đó của ông Nguyễn Mậu V1 số tiền 520.000.000đ, nhưng bà N1 trả lại 10.000.000đ; bà Nguyễn Thị Mộng V số tiền 100.000.000đ; của bà Đào Thị Thúy N1 số tiền 130.000.000đ). Các bị hại yêu cầu nên buộc bị cáo trả lại cho các bị hại số tiền chiếm đoạt như sau:

- Trả cho ông Nguyễn Mậu V1 số tiền 510.000.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Mộng V số tiền 100.000.000 đồng.
- Trả cho bà Đào Thị Thúy N1 số tiền 130.000.000 đồng;

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Chí L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí L 12 (Mười hai) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí L 02 (H1) năm tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Huỳnh Chí L chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt 17 (Mười bảy) năm 06 (S) tháng tù tại Bản án số 26/2025/HS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" với hình phạt 14 (Mười bốn) năm tù của bản án này. Buộc bị cáo Huỳnh Chí L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (Ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/3/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Huỳnh Chí L trả lại số tiền chiếm đoạt cho các bị hại gồm:

- Trả cho ông Nguyễn Mậu V1 số tiền 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng);

- Trả cho bà Nguyễn Thị Mộng V số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

- Trả cho bà Đào Thị Thúy N1 số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Đào Thị Thúy N1: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax; số máy: MQ9T3VN/A, số S: KGW1QHVKWP; màu: tím than (Đã qua sử dụng; không kiểm tra tình trạng hoạt động).

Vật trên có đặc điểm ghi tại biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 22/7/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Huỳnh Chí L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 33.600.000đ (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

7. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Viện Công tố và kiểm sát XXPT tại Đà Nẵng;*
- *Tòa PT - TANDTC tại Đà Nẵng;*
- *Viện KSND tỉnh Gia Lai;*
- *Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;*
- *CQ CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;*
- *Phòng CSTHAHS&HTTP - Công an tỉnh Gia Lai;*
- *THADS tỉnh Gia Lai;*
- *Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Gia Lai;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng khác;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Sinh

- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.